TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-PT
Ngày 06-8-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm;

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiếm;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn C; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C; cùng địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Bà Triệu Thị L; vắng mặt;

2. Anh Hoàng Văn N; vắng mặt;

3. Chị Trương Thị Đ; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị L; anh Hoàng Văn N; chị Trương Thị Đ: Ông Hoàng Văn C; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Triệu Thị N; vắng mặt;

5. Anh Triệu Văn T; vắng mặt;

6. Anh Triệu Văn D; vắng mặt;

7. Chị Hoàng Thị T; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị N; anh Triệu Văn T; anh Triệu Văn D; chị Hoàng Thị T: Ông Triệu Văn H; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Bà Hoàng Thị V; vắng mặt;

9. Chị Hoàng Thị Y; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị V; chị Hoàng Thị Y: anh Triệu Văn C; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

10. Anh Hoàng Văn T; có mặt;

11. Anh Triệu Văn T1; vắng mặt;

12. Chị Lâm Ngọc N; vắng mặt;

13. Bà Hoàng Thị L; vắng mặt;

14. Ông Hoàng Văn Đ; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

15. Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Trần C – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Hoàng Văn C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Hoàng Văn C có tranh chấp với gia đình ông Triệu Văn H, anh Triệu Văn C một thửa đất rừng; địa danh: T, thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa cấp sơ thẩm và kết luận giám định tư pháp của Trung tâm công nghệ thông tin Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Lạng Sơn xác định: Diện tích đất tranh chấp là 6.378,4m^2 thuộc lô số 717 bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Đ (nay là A), thuộc 01 phần thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 (đất lâm nghiệp) xã A. Sổ theo dõi thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng khi nhận đất, nhận rừng ghi tên chủ hộ là ông Hoàng Văn C. Sổ mục kê đất đai ghi tên người sử dụng, quản lý là Ủy ban nhân dân xã A (ghi là đất núi đá, ký hiệu NCS). Trong đó có: Diện tích 2.703m^2 do ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C đã khai phá năm 2012 (trên đất có 01 lều trồng Dê; 01 chuồng Dê; đường láng vữa xi măng và một số cây trồng: Tre, xoan, đu đủ, gạo, lim, chuối) và diện tích 3.675,4m^2 mới khai phá năm 2019 (trên đất có cây Sau sau, bụi khác và 100 cây Keo).

Nguyên đơn ông Hoàng Văn C trình bày: Ngày 17/12/1999, gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý rừng và sử dụng rừng đối với lô đất số 717 diện tích 01 ha theo Quyết định số 519/QĐ-UB; trong đó có diện tích đất tranh chấp với gia đình ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C. Đến năm 2000, gia đình ông đã trồng khoảng 2000 cây thông trên đất theo dự án PAM 5322. Năm 2012, ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C đến xây dựng chuồng Dê, gia đình ông có ý kiến nhưng không báo chính quyền địa phương do có quan hệ họ hàng. Toàn bộ số cây thông trên đất do ông trồng năm 2000 đều đã bị Dê ăn hết, không còn sống cây nào. Đến tháng 11/2019, ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C tiếp tục lấy cưa phát các cây bụi và cây mọc tự nhiên, mở rộng thêm diện tích để trồng keo nên ông đã báo chính quyền địa phương. Do xã hòa giải không thành nên ông đã khởi kiện tại Tòa án. Nay, ông đề nghị Tòa án công nhận quyền quản lý sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 6.378,4m^2 cho gia đình ông; yêu cầu ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C di dời chuồng Dê, lều trồng Dê và một số cây trồng trên đất. Đối với yêu cầu đề nghị bị đơn di dời số cây Keo trồng trên đất năm 2019, ông xin rút do trước khi mở phiên tòa, ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C đã tự di dời nên không còn đối tượng tranh chấp.

Bị đơn ông Triệu Văn H trình bày: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông khai phá từ năm 1970 để trồng ngô. Sau khi bố mẹ chết, ông là người trực tiếp quản lý sử dụng. Đến năm 1996, do đất khô cằn nên gia đình ông đã bỏ hoang, đến năm 2012, thì dựng chuồng nuôi Dê, lều trông Dê và trồng một số cây trên đất. Năm 2019, ông tiếp tục khai phá để trồng Keo. Trong thời gian ông nuôi dê, ông không thấy nhà nguyên đơn đến có ý kiến tranh chấp mà chỉ có một lần năm 2012, khi ông đang khai phá, xây dựng chuồng Dê, ông Hoàng Văn C có sang nói với ông là sợ ông nuôi Dê sẽ ăn cây trồng chứ ông Hoàng Văn C không thắc mắc gì về việc ông xây dựng chuồng Dê. Do đó, ông đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn; công nhận quyền quản lý sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 6.378,4m^2 cho gia đình ông.

Bị đơn anh Triệu Văn C trình bày: Năm 2012, anh có chung với chú Triệu Văn H nuôi Dê nên anh biết diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của ông cha nhà chú Triệu Văn H để lại. Khi đó diện tích đất này vẫn là đất hoang không có ai quản lý, sử dụng. Vì vậy, anh đã cùng chú Triệu Văn H khai phá, góp vốn để xây dựng chuồng nuôi Dê và trồng cây trên đất. Khi hai chú cháu anh đến khai phá,

trên đất chỉ có cây bụi, cây leo chứ không có cây trồng gì, không có cây thông nào. Năm 2012, khi khai phá anh không gặp ông Hoàng Văn C bao giờ vì anh bận đi làm, việc khai phá chủ yếu do chú Triệu Văn H làm. Ông Hoàng Văn C có sang nói chuyện với chú Triệu Văn H hay không anh không biết, cũng không thấy chú Triệu Văn H nói gì với anh về việc đó. Trên diện tích đất tranh chấp năm 2012, chú cháu anh có trồng tre, xoan; cây lim; cây gạo; xây dựng chuồng Dê, lều trông Dê, đường bê tông đến năm 2019, tiếp tục trồng Keo. Ngoài ra, trên đất không có tài sản gì khác, trên đất chủ yếu là đá chiếm phần nhiều. Anh không biết diện tích đất trên chú anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa. Trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được quyền quản lý sử dụng hợp pháp thì anh đề nghị được mua lại một phần diện tích đất anh đang sử dụng để nuôi Dê và đã trồng một số loại cây theo giá nhà nước quy định. Ngược lại, nếu nguyên đơn không chứng minh được quyền quản lý sử dụng hợp pháp thì anh đề nghị Tòa án công nhận quyền quản lý sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 6.378,4m^2 cho anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ, bà Hoàng Thị L trình bày: Gia đình ông, bà không biết lý do tại sao diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự trong sổ lâm bạ đứng tên ông, bà. Ông, bà không có khu đất ở đây và cũng không bao giờ quản lý sử dụng diện tích này. Ông, bà khẳng định diện tích đất mà hiện nay ông Hoàng Văn C và ông Triệu Văn H, anh Triệu Văn C đang tranh chấp không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của gia đình ông, bà. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự được Nhà nước giao đất cho ông Hoàng Văn C từ năm 1999 theo Quyết định số 519/QĐ-UB tuy nhiên chưa thấy ông Hoàng Văn C canh tác bao giờ. Đến năm 2012, ông Triệu Văn H đến xây dựng chuồng Dê và quản lý, sử dụng nhưng không thấy ông Hoàng Văn C báo chính quyền địa phương giải quyết. Theo bản đồ địa chính năm 2008-2009, thửa đất số 14 vẫn quy chủ là Ủy ban nhân dân xã quản lý là do thời điểm đo đạc, cơ quan đo đạc làm không chính xác về số lô, số thửa, diện tích đất nên không thực hiện được. Vì vậy, hầu hết diện tích đất tại thôn B, xã A vẫn quy chủ do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Diện tích đất tranh chấp nếu Tòa án có căn cứ giải quyết cho bên nào, nếu họ có nhu cầu và làm thủ tục kê khai thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đất không thuộc đất dự án, hay đất an ninh quốc phòng.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 10/3/2021 của Trung tâm công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường kết luận: Diện tích đất tranh chấp 6.378,4m² thể hiện trên mảnh trích đo địa chính tại T, thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nằm trong lô số 717 bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Đ (nay là A), thuộc 01 phần của thửa đất số 14 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 (đất lâm nghiệp) xã Đ (nay là A). Phần diện tích đất tranh chấp 6.378,4m² này nằm ở vị trí giữa thửa đất số 14 tờ số 01 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000.

+ Theo sổ theo dõi thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng khi nhận đất, nhận rừng ghi tên chủ hộ là ông Hoàng Văn C.

+ Theo sổ mục kê đất đai ghi tên người sử dụng, quản lý là Ủy ban nhân dân xã A (vì ghi là đất núi đá, ký hiệu NCS).

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 162; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 244, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 170; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C. Ông Hoàng Văn C và các thành viên trong hộ gia đình được quyền quản lý, sử dụng dụng diện tích đất tranh chấp 3.675,4m² thuộc một phần thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu toàn bộ số cây mọc tự nhiên trên diện tích đất này gồm 18 cây Sau Sau và các cây gỗ tạp khác tự mọc. Ông Triệu Văn H, anh Triệu Văn C phải chấm dứt hành vi tranh chấp với hộ ông Hoàng Văn C trên phần diện tích đất này.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C. Giao cho ông Triệu Văn H, anh Triệu Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 2.703m² thuộc một phần thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu toàn bộ công trình và cây có trên diện tích đất này gồm: 01 chuồng Dê, 01 lều trông Dê, đường láng Bê tông; 08 bụi Tre và Mai, 01 cây Gạo, 01 cây Đu đủ, 02 cây Lê; 02 bụi Chuối, 02 cây Xoan, cây Lim xẹt và gỗ tạp khác tự mọc. Ông Hoàng Văn C phải chấm dứt hành vi tranh chấp với ông Triệu Văn H, anh Triệu Văn C trên phần diện tích đất này.

3. Đình chỉ phần yêu cầu của ông Hoàng Văn C về việc yêu cầu ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C di dời số cây Keo trên diện tích đất tranh chấp.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ông Hoàng Văn C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, do các đương sự tự thảo thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, việc thỏa thuận đó là hoàn toàn tự nguyện và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn C nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, họ đã có lời khai, bản tự khai hoặc văn bản ủy quyền tham gia tố tụng; những người làm chứng vắng mặt đã có lời khai, một số đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ trong việc giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của Hoàng Văn C, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và các bị đơn đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Ông Hoàng Văn C tự nguyện thỏa thuận đồng ý để ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C tiếp tục được quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 2.703m^2, thể hiện trên sơ họa có các đỉnh điểm A6, A7, A8, A9, M, N (từ điểm M kéo dọc theo đường mòn làm nương đến điểm N). Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà lều; 01 chuồng dê; 01 đường bê tông xi măng trị; 04 cây sau sau; 03 cây khảu cài; 02 cây lim xẹt; 03 cây gỗ tạp (nhóm 8); 01 cây gạo; 01 cây keo; 01 cây xoan; 08 bụi tre; 02 cây lê; 08 cây chuối tây đang ra buồng; 48 cây chuối tây trồng trên một năm do ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C đang canh tác, quản lý sử dụng từ năm 2012.

[4] Phần diện tích đất còn lại 3.675,4m^2, được ký hiệu bởi các đỉnh điểm A1, A2, A4, A4, A5, N, M (từ điểm N kéo dọc theo đường mòn làm nương đến điểm M), thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hoàng Văn C được UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 519/UB-UB ngày 17/12/1999; địa danh: T, thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là A). Hiện nay thuộc 01 phần thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã Đ (nay là xã A).

[5] Về nghĩa vụ: Ông Triệu Văn H và anh Triêu Văn Chí có nghĩa vụ thanh toán phải trả cho ông Hoàng Văn C số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng), do được quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 2.703m^2.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng các khoản chi phí là 24.500.000 đồng. Do các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ nên mỗi bên phải chịu ½ chi phí tố tụng, cụ thể: Ông Hoàng Văn C phải chịu 12.250.000 đồng; ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C phải chịu 12.250.000 đồng. Do ông Hoàng Văn C đã nộp tạm ứng trước số tiền chị phí tố tụng nên buộc ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C mỗi người phải trả ông Hoàng Văn C là 6.125.000 đồng (sáu triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng).

[7] Từ những phân tích nêu trên thấy có căn cứ để sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo hướng công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Do các đương sự là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng sâu, vùng xa, vùng có đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa; cụ thể:

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 162; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 244, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166; 170; 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Quyền sử dụng đất: Công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn ông Hoàng Văn C với các bị đơn ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C về việc tiếp tục để ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C được quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 2.703m^2, thể hiện trên sơ họa có các đỉnh điểm A6, A7, A8, A9, M, N (từ điểm M kéo dọc theo đường mòn làm nương đến điểm N), thuộc 01 phần thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã Đ (nay là An Sơn); địa danh: T, thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà lều; 01 chuồng dê; 01 đường bê tông xi măng trị; 04 cây sau sau; 03 cây khẩu cài; 02 cây lim xẹt; 03 cây gỗ tạp (nhóm 8); 01 cây gạo; 01 cây keo; 01 cây

xoan; 08 bụi tre; 02 cây lê; 08 cây chuối tây đang ra buồng; 48 cây chuối tây trồng trên một năm.

Phần diện tích đất còn lại 3765,4m^2 được thể hiện trên sơ họa thửa đất có các đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, N, M (từ điểm M kéo dọc theo đường mòn làm nương đến điểm N), thuộc 01 phần thửa đất số 14 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã Đ (nay là A), thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hoàng Văn C được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn giao theo Quyết định số 519/UB-UB ngày 17/12/1999; địa danh: T, thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

(Được thể hiện tại trích đo khu đất tranh chấp kèm theo Bản án)

2. Về nghĩa vụ: Ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C có nghĩa vụ thanh toán phải trả cho ông Hoàng Văn C số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng); cụ thể mỗi người phải trả là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Buộc nguyên đơn ông Hoàng Văn C và các bị đơn ông Triệu Văn H, anh Triệu Văn C chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên và có quyền, nghĩa vụ đăng ký kê khai lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C mỗi người có nghĩa vụ phải trả ông Hoàng Văn C số tiền: 6.125.000 đồng (sáu triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu được thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Ông Hoàng Văn C; ông Triệu Văn H và anh Triệu Văn C được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Văn Quan, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự; người BVQL của đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

Hồ Đức Châm